

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày 21-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Bà Chu Thị Bồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Văn Đông, ông Nông Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/HSST-QĐ ngày 25-02-2025; đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn T, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1990 tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Viết T1, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Nông Thị N, sinh năm 1955; có vợ: Âu Thị H, sinh năm 1988 và 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, đã bị xử lý vi phạm hành chính tại Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 18-5-2022 của Công an thành phố L đã xử phạt về hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu vật liệu không che chắn khi tham gia giao thông, bị cáo đã chấp hành xong ngày 25-5-2022 đã được xóa tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-9-2024 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn T:

- Ông Đinh Công T – Luật sư Văn phòng luật sư Đinh Công T – Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Ông Mai Xuân T – Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý

Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Hoàng Thị T, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1985 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A đường Lê Quý Đ, khối B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: Số C đường Hoàng Quốc V, phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Đinh Thị Q, sinh năm 1961; có chồng: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-9-2024 đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 09 tháng 12 năm 1985 tại huyện Q, tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ Đ, khu N, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 và bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1963; có vợ: Phạm Thị P, sinh năm 1989 và 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-9-2024 đến nay, có mặt.

4. Vy Quý P, tên gọi khác: C, sinh ngày 03 tháng 01 năm 1993 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Số N, phố K, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Trần L, sinh năm 1950 và bà Hoàng Thanh B, sinh năm 1962; có vợ: Triệu Thị P, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-9-2024 đến nay, có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng

1. Chị Nguyễn Hồng T.
2. Anh Nguyễn Tiến T.
3. Anh Vàng Mí L.
4. Bà Hoàng Thị B.
5. Anh Nông Văn T.
6. Anh Đinh Trọng H.
7. Anh Chu Lê T.

8. Anh Bé Văn H.
9. Anh Nông Văn N.
10. Chị Bé Thị B.
11. Anh Hoàng Văn C.
12. Anh Lê Văn T.
13. Anh Hoàng Văn L.
14. Anh Vy Quý P.
15. Anh Mông Văn B.
16. Bà Bé Thị Đ
17. Bà Nông Thị H.

(Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

+ Người chứng kiến: Bà Hoàng Thị B1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 27-7-2024, Phòng Cảnh Sát kinh tế - Công an tỉnh Lạng Sơn chủ trì phối hợp với Đội 389 tỉnh Lạng Sơn, Công an xã T và Đoàn Biên phòng T (gọi tắt là Tổ công tác) làm nhiệm vụ tại khu vực thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện tại sân nhà ngõ C thôn K, xã T (trong khu vực biên giới, do bà Hoàng Thị B, sinh năm 1979 đứng tên chủ hộ) có 09 bó gỗ (nghỉ là gỗ Sưa) bên ngoài mỗi bó gỗ được bọc bằng vỏ bao tải dứa màu xanh, có tổng trọng lượng là 462 kg. Tại thời điểm kiểm tra có ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ Đ, khu N, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đang trông coi các bó gỗ cầm theo sổ ghi chép trọng lượng từng bó gỗ trình bày toàn bộ số gỗ trên không có giấy tờ, bản thân trực tiếp nhận của một người đàn ông có số điện thoại 09789151** chờ đến, theo sự chỉ đạo của Hoàng Thị T, sinh năm 1985, trú tại: Số C đường Hoàng Quốc V, phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (em dâu của Nguyễn Văn Đ), Nguyễn Văn Đ đã thuê 13 người dân bốc vác một số bó gỗ lên sát đường biên giới tập kết, hiện đang chờ những người bốc vác quay lại vận chuyển nốt số gỗ còn lại lên điểm tập kết để vận chuyển qua biên giới sang Trung Quốc giao cho chủ hàng Trung Quốc.

Cùng thời điểm, lực lượng làm nhiệm vụ còn phát hiện tại lũng L thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (cách cột mốc biên giới 1099 khoảng 10 mét) có cất giấu 13 bó gỗ (nghỉ là gỗ Sưa), bên ngoài mỗi bó gỗ được bọc bằng vỏ bao tải dứa màu xanh, có tổng trọng lượng là 659 kg. Tại thời điểm kiểm tra có ông Nông Văn T, sinh năm 1989, trú tại: Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và ông Đinh Trọng H, sinh năm 1984, trú tại: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn mỗi người mang vác 01 bó gỗ đến địa điểm trên và cùng trình bày số gỗ này vận chuyển thuê cho người đàn ông tên Nguyễn Văn Đ từ sân nhà số Đ ngõ H

thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lên tập kết để chờ mang sang Trung Quốc theo yêu cầu của Nguyễn Văn Đ.

Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, niêm phong, tạm giữ sổ sách ghi chép và tang vật theo thủ tục hành chính, đồng thời đưa tang vật và yêu cầu những người liên quan về trụ sở để phục vụ công tác xác minh làm rõ.

Kết quả điều tra, xác minh cho thấy: Ngày 23-7-2024, Nguyễn Hồng T, sinh năm 1988, trú tại: Khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh là chủ cửa hàng bán đồ gỗ Mỹ Nghệ Trang L, địa chỉ: số C, khu A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh đang ở cửa hàng có một người đàn ông Trung Quốc tên là A (không biết địa chỉ) đến cửa hàng mua với Nguyễn Hồng T 839kg gỗ sưa với giá 45.000đ/kg và 282kg gỗ Trắc giá 100.000đ/kg, tổng trị giá tiền hàng là 65.955.000đ (sáu mươi năm triệu chín trăm năm mươi năm nghìn đồng) thanh toán bằng tiền mặt (VNĐ), A cho Nguyễn Hồng T số điện 09672086** của Lưu Văn T, sinh năm 1990, trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu Nguyễn Hồng T liên lạc giao gỗ của A cho Lưu Văn T tại L. Ngày 26-7-2024, Nguyễn Hồng T gọi điện thoại cho Lưu Văn T hỏi có phải là người nhận gỗ cho A không thì được Lưu Văn T cho biết bản thân là người nhận gỗ cho người đàn ông Trung Quốc có tên là A tại L. Sau đó Nguyễn Hồng T cho Lưu Văn T số điện thoại của Nguyễn Tiến T, sinh năm 1985, trú tại: Khu phố P, phường K, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh là người thường xuyên thuê xe ô tô vận chuyển gỗ cho khách hàng của Nguyễn Hồng T để Lưu Văn T liên lạc nhận gỗ, rồi Nguyễn Hồng T gọi điện thoại báo Nguyễn Tiến T gọi thuê xe ô tô để ngày 27-7-2024 chở gỗ lên Lạng Sơn. Thực hiện theo yêu cầu của Nguyễn Hồng T, ngày 27-7-2024 Nguyễn Tiến T thuê xe ô tô tải loại 1,5 tấn của Công ty vận tải M, địa chỉ: Số L ngõ Y đường N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội vận chuyển gỗ lên L với giá là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng)/chuyến và Công ty điều lái xe tên là Vàng Mí L, sinh năm 1998, trú tại: đường N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29H - 731.** vận chuyển gỗ lên Lạng Sơn. Trước đó Lưu Văn T được người đàn ông Trung Quốc có tên là A thuê vận chuyển gỗ từ Việt Nam sang Trung Quốc với giá 20.000đ/kg nhưng do khu vực mốC ** thuộc xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (gần nhà Lưu Văn T) các lực lượng chức năng kiểm soát chặt chẽ, Lưu Văn T không thể vận chuyển số gỗ trên qua biên giới sang Trung Quốc cho A được nên ngày 26-7-2024 Lưu Văn T gọi điện qua ứng dụng Wechat cho Hoàng Thị T, sinh năm 1985, trú tại: Số C đường Hoàng Quốc V, phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn hỏi Hoàng Thị T có vận chuyển gỗ sang Trung Quốc được không thì Hoàng Thị T trả lời là chỉ vận chuyển đi qua khu vực mốC 10** lũng L thuộc thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn được, Lưu Văn T đặt vấn đề thuê Hoàng Thị T vận chuyển gỗ từ Việt Nam sang Trung Quốc với giá 20.000đ/kg được Hoàng Thị T đồng ý rồi Lưu Văn T gửi số điện thoại của Nguyễn Tiến T (09789151**) cho Hoàng Thị T để liên lạc nhận gỗ và dặn Hoàng Thị T1 khi nào vận chuyển gỗ lên đến mốC thì gọi điện thoại cho Lưu Văn T để Tài gọi chủ hàng ở bên Trung Quốc lên nhận gỗ và trả tiền cước vận chuyển.

Sau đó Hoàng Thị T chuyển số điện thoại của Nguyễn Tiến T và bảo Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Văn Đ là anh trai chồng) liên lạc với Nguyễn Tiến T để nhận gỗ và tìm thuê cừ vận vận chuyển gỗ từ ngõ B, thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đi qua đường mố 10** sang Trung Quốc với giá 12.000đ (mười hai nghìn đồng)/1kg, khi nào mang hết gỗ lên đến điểm tập kết thì gọi điện thoại cho Hoàng Thị T để Hoàng Thị T thông báo cho Lưu Văn T biết để Lưu Văn T báo chủ hàng ở bên Trung Quốc lên nhận gỗ và trả tiền cước vận chuyển gỗ cho Nguyễn Văn Đ để mang về cho Hoàng Thị T.

Ngày 26-7-2024 Nguyễn Văn Đ đã gọi điện thoại cho Vy Quý P (Thường gọi là C), sinh năm 1993, trú tại: Phố K, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nhờ gọi người vận chuyển gỗ từ ngõ B, thôn K, xã T đi qua đường mố 10** lũng L, xã T sang Trung Quốc và tập trung vào khoảng 19 giờ đến 19 giờ 30 phút ngày 27-7-2024 tại khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được Vy Quý P đồng ý.

Sau đó Vy Quý P trực tiếp gọi được 05 (năm) người gồm: (1) Nông Văn T, sinh năm 1989, trú tại: Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, (2) Chu Lê T, sinh năm 2000, trú tại: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, (3) Bé Văn H, sinh năm 1998, trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, (4) Mông Văn B, sinh năm 1983, trú tại: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, (5) Vy Quý P (tức B), sinh năm 1984, trú tại: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và Vy Quý P bảo với những người này xem có ai đi vác hàng được thì gọi đi cùng và báo lại cho Vy Quý P biết và những người này đã gọi được thêm những người sau: Nông Văn T gọi được 03 (Ba) người gồm: Nông Văn N, sinh năm 1990; Lê Văn T, sinh năm 1991 và Hoàng Văn L, sinh năm 1985, đều trú tại: Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Bé Văn H gọi được 02 (hai) người gồm: Hoàng Văn C, sinh năm 1988 và Bé Thị B, sinh năm 1991, đều trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chu Lê T gọi được 01 (một) người gồm: Đinh Trọng H, sinh năm 1984, trú tại: thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; ngày 27-7-2024 Vy Quý P đã có thông tin về số lượng người vận chuyển gỗ là 11 người cả Vy Quý P là 12 người và gọi điện thoại báo lại cho Nguyễn Văn Đ biết. Sau đó Nguyễn Văn Đ gọi điện thoại cho Bé Thị Đ xem có đi vác hàng được không, Bé Thị Đ đã đồng ý vác hàng thuê cho Nguyễn Văn Đ.

Sau đó Nguyễn Văn Đ gọi điện cho Nguyễn Tiến T hỏi vận chuyển gỗ lên đến đâu rồi thì được Nguyễn Tiến T trả lời khi nào đến thành phố L sẽ gọi. Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 27-7-2024, Nguyễn Tiến T áp tải gỗ cùng với Vàng Mí L vận chuyển gỗ lên đến thành phố L, Nguyễn Tiến T gọi điện cho Nguyễn Văn Đ thì được Nguyễn Văn Đ hướng dẫn vận chuyển gỗ đến C để Nguyễn Văn Đ đón, khi đi đến nơi Nguyễn Văn Đ dẫn Nguyễn Tiến T đưa xe ô tô vận chuyển gỗ đến trước cửa thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây Nguyễn Tiến T đã trực tiếp giao cho Nguyễn Văn Đ tổng số 34 bó gỗ bên ngoài mỗi bó được bọc bằng vỏ bao tải dứa màu xanh có tổng trọng lượng 1.121 kg, việc giao nhận gỗ không viết giấy tờ giao nhận, hai bên chỉ xác nhận bằng tin nhắn từ số điện thoại 03983816** của Nguyễn Văn Đ nhắn tin sang số máy 09789151** của Nguyễn Tiến T nội dung "Đã nhận đủ 34 kiện". Nguyễn Văn Đ nhờ Nông Thị H,

sinh năm 1971, trú tại: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn ghi sổ theo dõi hộ rồi Nguyễn Văn Đ cho cử vận vận chuyển gỗ sang Trung Quốc thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ.

Căn cứ vào sổ theo dõi và lời khai xác định số lượng gỗ của từng người vận chuyển lên mốc 109* cụ thể như sau: Vy Quý P: 25kg; Nông Văn T: 55kg; Bé Thị Đ: 58kg; Bé Thị B: 35kg; Nông Văn N: 50kg; Lê Văn T: 38kg; Hoàng Văn L: 59kg; Chu Lê T: 49kg; Đinh Trọng H: 50kg; Bé Văn H: 55kg; Hoàng Văn C: 54kg; Mông Văn B: 117kg (hai vác) và Vy Quý P (B): 55kg. Do không xác định được loại gỗ của từng người vận chuyển nên Cơ quan điều tra áp dụng theo bản kết luận định giá tài sản số: 40/KL - HĐĐGTS ngày 18/9/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định loại gỗ có giá trị thấp nhất là 120.000đ/kg để áp dụng cho những người tham gia vận chuyển gỗ ngày 27-7-2024 cụ thể như sau: (1) Nông Văn T: 55kg x 120.000đ = 6.600.000đ; (2) Bé Thị Đ: 58kg x 120.000đ = 6.960.000đ; (3) Bé Thị B: 35kg x 120.000đ = 4.200.000đ; (4) Nông Văn N: 50kg x 120.000đ = 6.000.000đ; (5) Lê Văn T: 38kg x 120.000đ = 4.560.000đ; (6) Hoàng Văn L: 59kg x 120.000đ = 7.080.000đ; (7) Chu Lê T: 49kg x 120.000đ = 5.880.000đ; (8) Đinh Trọng H: 50kg x 120.000đ = 6.000.000đ; (9) Bé Văn H: 55kg x 120.000đ = 6.600.000đ; (10) Hoàng Văn C: 54kg x 120.000đ = 6.480.000đ; (11) Mông Văn B: 117kg x 120.000đ = 14.040.000đ; (12) Vy Quý P (B): 55kg x 120.000đ = 6.600.000đ. Với những giá trị tài sản của 12 người vận chuyển gỗ trái phép qua biên giới ngày 27-7-2024 ở trên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, là hành vi vi phạm hành chính được quy định tại Điều 12 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24-8-2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSLS-P1 ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định tại khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo biết hành vi phạm tội đã thực hiện là vi phạm pháp luật tuy nhiên do hám lời nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lưu Văn T; đề nghị xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) đến 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm

2017 đối với bị cáo Hoàng Thị T; đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị T từ 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) đến 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đến 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Vy Quý P (tên gọi khác C); đề nghị xử phạt bị cáo Vy Quý P (tên gọi khác C) từ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đến 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 27kg gỗ Sưa vụn; 39kg gỗ Sưa thành phẩm; 773kg gỗ Sưa cây và 282kg gỗ Trắc; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno6 Z5G màu đen, máy cũ đang sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy, số IMEI1: 869904053010370; số IMEI2: 869904053010362 bên trong lắp 01 (một) sim số thuê bao 03983816**.

Ông Mai Xuân T - Trợ giúp pháp lý người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn T trình bày lời bào chữa: Nhất trí với đề nghị đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt và xử lý vật chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt ở mức khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Các bị cáo Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) phải chịu án phí theo quy định. Bị cáo Lưu Văn T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Các bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Về chứng cứ tài liệu trong vụ án được thu thập, bảo quản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người làm chứng và người chứng kiến đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt; trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người tham gia tố tụng nêu trên; do đó căn cứ khoản 1 Điều 293;

Điều 296 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến, Biên bản sự việc ngày 27-7-2024; Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 625/CNR-VP ngày 07-8-2024 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Ngày 27-7-2024 tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) đã có hành vi vận chuyển trái phép 1121kg gỗ trong đó có 839kg gỗ Sưa và 282kg gỗ trắc, theo Kết luận định giá có tổng trị giá 293.154.000đ (hai trăm chín mươi ba triệu một trăm năm mươi tư nghìn đồng) mục đích vận chuyển thuê qua biên giới sang Trung Quốc để kiếm lời, trong lúc đang vận chuyển gỗ tập kết đến khu vực gần mốc 109* biên giới Việt Nam – Trung Quốc để chuẩn bị vận chuyển sang Trung Quốc thì bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt giữ cùng tang vật. Vì vậy có đủ căn cứ kết luận truy tố các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định tại khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo thực hiện đã gây ra những thiệt hại cho trật tự quản lý kinh tế, mà cụ thể là trật tự quản lý việc xuất, nhập khẩu hàng hoá, gây lũng đoạn thị trường trong nước, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới là vi phạm pháp luật nhưng do hám lời nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[5] Hành vi của các bị cáo là đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Xét vị trí, vai trò trong vụ án này, bị cáo Lưu Văn T là người khởi xướng, móc nối với người Trung Quốc, sau đó thông tin lại cho bị cáo Hoàng Thị T để vận chuyển gỗ; bị cáo Nguyễn Văn Đ tiếp nhận ý chí của bị cáo Hoàng Thị T và trực tiếp nhận gỗ rồi liên hệ với bị cáo Vy Quý P để vận chuyển gỗ sang Trung Quốc.

[6] Để có mức hình phạt tương xứng, phù hợp với mức độ hành vi của các bị cáo, cần xét đến vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo như sau:

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) chưa có tiền án, tiền sự nên xác định là người có nhân thân tốt. Bị cáo Lưu Văn T có tiền sự đã được xóa tiền sự, chưa có tiền án nên xác định là người có nhân thân không tốt.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Lần phạm tội này của các bị cáo là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51

của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo Hoàng Thị T đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, bị cáo Nguyễn Văn Đ có bố đẻ là ông Nguyễn Văn H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo Lưu Văn T sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn do đó các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Từ những phân tích trên, trên cơ sở xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) chưa có tiền án, tiền sự các bị cáo là người có nhân thân tốt; bị cáo Lưu Văn T có 01 tiền sự tuy nhiên đã được xóa tiền sự nên được coi là chưa bị xử lý hành chính, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, ngoài ra các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; trong quá trình tại ngoại tại địa phương các bị cáo luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo là lao động tự do, có khả năng lao động để tạo ra thu nhập. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T đã nộp được số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nộp được số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), bị cáo Vy Quý P (tên gọi khác C) đã nộp được số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để bảo đảm thi hành án. Xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, có điều kiện để thi hành án trong trường hợp bị xử phạt tiền nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt các bị cáo hình phạt chính là phạt tiền vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, có tác dụng đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015 các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 (một) năm đến 05 (năm) năm. Xét thấy các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền và không đủ điều kiện áp dụng các hình phạt bổ sung khác do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 27kg gỗ Sưa vụn; 39kg gỗ Sưa thành phẩm; 773kg gỗ Sưa cây và 282kg gỗ Trắc; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno6 Z5G màu đen, máy cũ đang sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy, số IMEI1: 869904053010370; số IMEI2: 869904053010362 bên trong lắp 01 (một) sim số thuê bao 03983816** vì là tang vật của vụ án, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[13] Ngày 29-11-2024 cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển tài liệu đến Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Lạng Sơn để xử phạt vi phạm hành chính

đối với Nông Văn T; Bế Thị Đ; Bế Thị B; Nông Văn N; Lê Văn T; Hoàng Văn L; Chu Lê T; Đinh Trọng H; Bế Văn H; Hoàng Văn C; Mông Văn B và Vy Quý P (B) theo thẩm quyền.

[14] Đối với Nguyễn Hồng T; Nguyễn Tiến T; Vàng Mí L; Nông Thị H và Hoàng Thị B1 không biết việc vận chuyển gỗ qua biên giới nên cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này.

[15] Đối với người đàn ông Trung Quốc có tên là A L do bị cáo Lưu Văn T và Nguyễn Hồng T không biết địa chỉ nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về hình phạt, về xử lý vật chứng là phù hợp, đúng quy định nên được chấp nhận.

[17] Các bị cáo Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đối với bị cáo Lưu Văn T do sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lưu Văn T.

[18] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Vy Quý P (tên gọi khác C).

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T số tiền 145.000.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo Lưu Văn T đã nộp bảo đảm thi hành án là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 14 tháng 02 năm 2025 (hiện số tiền trên được lưu giữ trong tài khoản số 8407203000013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn). Bị cáo Lưu Văn T còn phải nộp tiếp số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T số tiền 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo Hoàng Thị T đã nộp bảo đảm thi hành án là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 14 tháng 02 năm 2025 (hiện số tiền trên được lưu giữ trong tài khoản số 8407203000013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn). Bị cáo Hoàng Thị T còn phải nộp tiếp số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nộp bảo đảm thi hành án là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 14 tháng 02 năm 2025 (hiện số tiền trên được lưu giữ trong tài khoản số 8407203000013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn). Bị cáo Nguyễn Văn Đ còn phải nộp tiếp số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Vy Quý P (tên gọi khác C) số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo Vy Quý P (tên gọi khác C) đã nộp bảo đảm thi hành án là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 14 tháng 02 năm 2025 (hiện số tiền trên được lưu giữ trong tài khoản số 8407203000013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn). Bị cáo Vy Quý P (tên gọi khác C) còn phải nộp tiếp số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 27kg gỗ Sưa vụn; 39kg gỗ Sưa thành phẩm; 773kg gỗ Sưa cây và 282kg gỗ Trắc; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno6 Z5G màu đen, máy cũ đang sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy, số IMEI1: 869904053010370; số IMEI2: 869904053010362 bên trong lắp 01 (một) sim số thuê bao 03983816**.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-01-2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Các bị cáo Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo Lưu Văn T không phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lưu Văn T, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Đ, Vy Quý P (tên gọi khác C) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H.Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- CQĐT Công an T. Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn (phòng hồ sơ);
- CQTHAHS CA tỉnh Lạng Sơn;
- Trại TG CA tỉnh Lạng Sơn (phân trại TGKV huyện Văn Lãng)
- CCTHADS H.V, T. Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh